

Số: /SGDĐT-GDPT

Quảng Ninh, ngày tháng 5 năm 2022

V/v hướng dẫn tuyển sinh
vào lớp 6 THCS, lớp 10 THPT
năm học 2022 - 2023

Kính gửi:

- Các Phòng giáo dục và đào tạo;
- Các trường có cấp trung học phổ thông;
- Các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (gọi tắt là Quy chế tuyển sinh) được hợp nhất tại văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên được hợp nhất tại văn bản số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ GDĐT; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GDĐT; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gọi tắt là Điều lệ trường trung học);

Thực hiện Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022 - 2023 tỉnh Quảng Ninh;

Sở GDĐT hướng dẫn công tác tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở, lớp 10 các trường có cấp trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm học 2022-2023 như sau:

A. TUYỂN SINH LỚP 6 THCS

I. Tuyển sinh lớp 6 THCS thực hiện chương trình GDPT

1. Độ tuổi, đối tượng tuyển sinh

1.1. Độ tuổi tuyển sinh: Học sinh trong độ tuổi theo quy định tại Điều 33, Điều lệ trường trung học.

1.2. Đối tượng tuyển sinh THCS

a) Lớp 6 THCS: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học, có hộ khẩu tại địa phương theo phân vùng tuyển sinh.

b) Lớp 6 PTDTNT: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18, Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT (Quy chế trường PTDTNT).

c) Lớp 6 THCS song ngữ tiếng Pháp: Học sinh đã học tại Trường Tiểu học Hữu Nghị, hoàn thành chương trình tiểu học song ngữ tiếng Pháp.

2. Phương thức tuyển sinh: Thực hiện theo phương thức xét tuyển.

2.1. Xét tuyển lớp 6 trường THCS (trừ lớp 6 song ngữ tiếng Pháp tại Trường THPT Hòn Gai)

a) Căn cứ vào Kế hoạch tuyển sinh đã được UBND cấp huyện phê duyệt, các Phòng GDĐT qui định và hướng dẫn cụ thể việc xét tuyển lớp 6 trên địa bàn.

Nguyên tắc: Tuyển học sinh khuyết tật có nhu cầu vào học; tuyển hết học sinh đủ điều kiện theo Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ GDĐT về việc “Ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông” để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu phổ cập giáo dục trên địa bàn cấp huyện.

2.2. Xét tuyển vào lớp 6, các trường PTDTNT có cấp học THCS

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh ở cấp Tiểu học, chủ yếu là kết quả rèn luyện năm học lớp 5 (Căn cứ vào tổng điểm bài kiểm tra định kì cuối năm học lớp 5 của môn Tiếng Việt và môn Toán) để xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

2.3. Xét tuyển lớp 6 song ngữ tiếng Pháp trường THPT Hòn Gai

Thực hiện theo Công văn số 1754/BGDĐT- GDTrH ngày 03/05/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đầu cấp trong khuôn khổ Chương trình song ngữ và tăng cường tiếng Pháp kể từ năm học 2018-2019 và Công văn số 995/SGDĐT-GDTrH ngày 08/5/2018 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đầu cấp trong khuôn khổ Chương trình song ngữ và tăng cường tiếng Pháp kể từ năm học 2018-2019.

3. Phê duyệt kết quả tuyển sinh

3.1. Phòng GDĐT phê duyệt tuyển sinh trường THCS, PTDTNT cấp huyện.

3.2. Sở GDĐT duyệt tuyển sinh trường PTDTNT THCS&THPT Tiên Yên và lớp 6 song ngữ tiếng Pháp trường THPT Hòn Gai.

II. Tuyển sinh lớp 6 THCS thực hiện chương trình GDTX

1. Độ tuổi, đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học, không có điều kiện đi học trong các trường THCS thuộc hệ thống giáo dục phổ thông có nhu cầu, nguyện vọng học THCS theo chương trình GDTX.

2. Phương thức tuyển sinh

Thực hiện theo phương thức xét tuyển. Phòng GDĐT chỉ đạo các trường THCS, phối hợp với các cơ quan đơn vị trên địa bàn, trung tâm iaos dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên cấp huyện triển khai kế hoạch tuyển sinh lớp 6 học chương trình GDTX đúng đối tượng người học, không giới hạn vùng tuyển, tổ chức lớp theo các mô hình phù hợp, thuận lợi cho người học.

3. Phê duyệt kết quả tuyển sinh: Phòng GDĐT phê duyệt tuyển sinh.

B. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

Thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022 - 2023 tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 30/3/2022. Một số nội dung cần lưu ý và hướng dẫn cụ thể như sau:

I. Nguyện vọng xét tuyển vào trường THPT công lập

1. Đăng ký nguyện vọng xét tuyển

1.1. Số lượng nguyện vọng

a) Một học sinh có thể đăng ký tối đa 07 NV vào các trường THPT công lập (nếu đủ điều kiện đăng ký dự tuyển), cụ thể: 02 NV lớp chuyên; 02 NV lớp không chuyên của trường chuyên; 02 NV trường PTDTNT; 01 NV trường THPT công lập không chuyên biệt;

Học sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào trường PTDTNT thì phải đồng thời đăng ký xét tuyển vào trường THPT công lập khác trong vùng tuyển để lấy kết quả thi xét tuyển vào trường PTDTNT.

1.2. Xác định thứ tự ưu tiên nguyện vọng: Học sinh có NV xét tuyển vào các nhóm:

(i): Hai (02) lớp chuyên của trường chuyên;

(ii): Hai (02) trường PTDTNT (Tỉnh, THCS&THPT Tiên Yên);

(iii): Hai (02) loại hình trường chuyên biệt (lớp chuyên của trường chuyên, PTDTNT);

(iv): Lớp không chuyên của trường chuyên và trường THPT công lập không chuyên biệt.

Học sinh phải xác định rõ thứ tự ưu tiên NV xét tuyển (NV1, NV2) đối với từng nhóm bằng cách: Điền vào Phiếu ĐKDT.

1.3. Quy định thứ tự ưu tiên nguyện vọng: Ngoài 04 nhóm NV nêu trên do học sinh tự xác định thứ tự ưu tiên, thì nhóm NV sau được quy định thứ tự ưu tiên, cụ thể:

(v): Trường THPT chuyên biệt (trừ lớp không chuyên của trường chuyên) là NV1; Trường THPT công lập không chuyên biệt hoặc lớp không chuyên của trường chuyên là NV2.

2. Xét tuyển theo nguyện vọng

2.1. Học sinh chỉ được xét tuyển theo các nguyện vọng đã đăng ký và xét theo thứ tự ưu tiên: Học sinh đã trúng tuyển NV1 thì không được xét tuyển NV2 hay đã trúng tuyển NV ưu tiên cao hơn thì không được xét tuyển các NV ưu tiên thấp hơn¹.

2.2. Với việc sắp xếp thứ tự ưu tiên các NV và các quy định về xét tuyển theo NV, mỗi học sinh chỉ có thể đủ điều kiện trúng tuyển không quá 01 NV trong số các NV đã đăng ký dự tuyển (tối đa được đăng ký 07 NV).

2.3. Học sinh đã trúng tuyển theo diện tuyển thẳng, nếu dự thi và đủ điều kiện trúng tuyển vào trường THPT chuyên biệt thì được công nhận trúng tuyển vào trường THPT chuyên biệt và rút tên khỏi danh sách tuyển thẳng đã được phê duyệt trước đó.

2.4. Các trường hợp đặc biệt khác về NV xét tuyển, trường THPT nơi thí sinh đăng ký dự tuyển báo cáo Sở GDĐT xem xét giải quyết.

II. Đăng ký dự tuyển

1. Hình thức đăng ký dự tuyển

1.1. Học sinh đang học lớp 9 năm học 2021-2022 trong tỉnh thực hiện đăng ký trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ <https://qlts.tsd.edu.vn/>.

1.2. Thí sinh tự do thực hiện đăng ký trực tiếp tại trường trung học phổ thông nơi thí sinh có nguyện vọng xét tuyển.

2. Các nghiệp vụ trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp

2.1. Học sinh

a) Nhận mã bảo mật kèm theo mã định danh tại trường THCS; đổi mã bảo mật trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp;

b) Đăng ký dự tuyển: Đăng ký hồ sơ; Tra cứu tình trạng hồ sơ; Sửa hồ sơ đăng ký dự tuyển;

¹Nếu điểm xét tuyển của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều NV thì thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển theo NV ưu tiên cao nhất. Việc thí sinh phải xếp thứ tự NV xét tuyển của mình là để xác nhận NV mà thí sinh đó lựa chọn khi đủ điều kiện trúng tuyển nhiều NV.

c) Tra cứu: Tra cứu trường tuyển sinh; Tra cứu địa điểm thi; Tra cứu điểm thi.

2.2. Trường THCS

a) Cấp mã định danh và mã bảo mật cho học sinh để đăng nhập vào hệ thống tuyển sinh đầu cấp;

b) Tiếp nhận hồ sơ thí sinh; Sửa/cập nhật hồ sơ thí sinh nếu sai sót/bổ sung thông tin;

d) In phiếu đăng ký dự tuyển, kí xác nhận và các báo cáo liên quan.

2.3. Trường THPT

a) Cấu hình nhóm xét tuyển, nhập chỉ tiêu theo nhóm xét tuyển và các thông tin tuyển sinh;

b) Nhập hồ sơ cho thí sinh tự do;

c) Duyệt hồ sơ;

d) Báo sai hồ sơ; Sửa hồ sơ được báo sai (chức năng này dùng cho các trường THPT công lập).

3. Thời hạn đăng ký

3.1. Trước 05/5: Trường THCS cấp mã định danh và mã bảo mật cho học sinh; Học sinh thử đăng ký dự tuyển trực tuyến;

3.2. Từ 06/5 - 10/5: Học sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến vào trường THPT công lập;

3.3. Từ 06/5-12/5: Trường THCS kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, in hồ sơ, in danh sách đăng ký cho thí sinh, phụ huynh, nhà trường ký xác nhận;

3.4. Từ 13/5-16/5: Trường THPT (có tổ chức thi) kiểm tra, sửa sai sót nếu có trước khi phê duyệt hồ sơ, phê duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển.

3.5. Trước 10/7: Học sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến vào trường THPT tự thực;

3.6. Trước ngày 13/7: Trường THPT (áp dụng phương thức xét tuyển) kiểm tra, sửa sai sót nếu có trước khi phê duyệt hồ sơ, phê duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển.

4. Một số lưu ý khác về đăng ký dự tuyển

4.1. Minh chứng hưởng chế độ ưu tiên, tuyển thẳng, đối tượng tuyển sinh của học sinh được đính kèm theo hồ sơ.

4.2. Học sinh được cập nhật thông tin đăng ký trong thời gian đăng ký dự tuyển và trước khi trường THCS tiếp nhận hồ sơ.

4.3. Trường THCS nhập bổ sung thông tin đăng ký dự tuyển còn thiếu nếu chưa hoàn thành đánh giá, xếp loại, xét công nhận tốt nghiệp THCS trong thời hạn học sinh đăng ký dự tuyển.

4.4. Học sinh, gia đình học sinh và trường THCS chịu trách nhiệm về thông tin khai trên Phiếu đăng ký dự tuyển.

4.5. Trường THPT có trách nhiệm kiểm tra thông tin về đối tượng tuyển sinh; vùng tuyển sinh; chế độ tuyển thẳng, ưu tiên; nhóm xét tuyển.

4.6. Sau khi hết hạn đăng ký của thí sinh và trước khi tiếp nhận, trường THCS được sửa thông tin đăng ký dự tuyển (trừ thông tin trích xuất SMAS). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, trường THCS không được sửa thông tin của học sinh.

4.7. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, trường THCS in cho mỗi thí sinh 02 phiếu đăng ký dự tuyển và dán ảnh (kiểu ảnh chứng minh nhân dân chụp trước ngày thi không quá 3 tháng), tổ chức cho học sinh, gia đình học sinh ký xác nhận, nhà trường ký và đóng dấu xác nhận, đóng thêm một dấu có phần giáp lai lên ảnh dán trên phiếu đăng ký để xác nhận nhân thân thí sinh. 01 phiếu lưu tại trường THCS, 01 phiếu chuyển học sinh lưu giữ để nhận thẻ dự thi tại trường THPT và xác nhận nhân thân khi vào phòng thi.

4.8. Sau khi THCS tiếp nhận và trước khi phê duyệt, trường THPT được sửa thông tin đăng ký dự tuyển (trừ các thông tin trích xuất SMAS). Sau khi phê duyệt hồ sơ, trường THPT không được sửa thông tin của học sinh.

4.9. Mọi sửa chữa, cập nhật hồ sơ học sinh do trường THCS, trường THPT thực hiện đều phải có minh chứng rõ ràng, đúng quy định, được lưu trong hồ sơ tuyển sinh của đơn vị.

5. Quy định mã nhóm xét tuyển của các trường THPT công lập; nguyên tắc xét tuyển vào trường PTDTNT

5.1. Trường THPT công lập không chuyên biệt

a) Đối với trường THPT có thực hiện phân bổ chỉ tiêu (trên tổng chỉ tiêu được UBND tỉnh giao) theo địa bàn tuyển sinh hoặc theo môn ngoại ngữ (gọi chung là các nhóm xét tuyển), phòng GDĐT quy định mã nhóm xét tuyển bằng các số 1, 2, 3... để gán cho các nhóm xét tuyển của trường THPT đó. Trường hợp không phân bổ chỉ tiêu được giao thì trường THPT chỉ có một nhóm xét tuyển, quy ước là mã 1.

b) Phòng GDĐT các huyện (thị xã, thành phố) báo cáo Sở GDĐT danh sách mã nhóm xét tuyển của từng trường THPT đóng trên địa bàn theo mẫu dưới đây và hướng dẫn học sinh xác định chính xác mã nhóm xét tuyển (để điền vào Phiếu ĐKDT). Lưu ý, nếu học sinh đăng ký không đúng mã nhóm xét tuyển thì có thể dẫn đến sai lệch kết quả tuyển sinh của bản thân học sinh và của học sinh khác.

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu được giao	Mã nhóm xét tuyển	Chỉ tiêu phân bổ	Mô tả nhóm xét tuyển
	TỔNG	
1	Trường THPT	<i>1</i>	...	Xã, xã
			<i>2</i>	...	
			
2	Trường	<i>1</i>	...	

5.2. Trường PTDTNT được quy định mã nhóm xét tuyển như sau:

a) Nhóm xét tuyển 1: Học sinh là người dân tộc thiểu số, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 1.

b) Nhóm xét tuyển 2: Là người dân tộc Kinh, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 1.

c) Nhóm xét tuyển 3: Học sinh là người dân tộc thiểu số, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 2.

d) Nhóm xét tuyển 4: Học sinh là người dân tộc thiểu số, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 3.

(Vùng 1, 2, 3 được quy định tại Phụ lục 2)

5.3. Nguyên tắc xét tuyển vào trường PTDTNT: Nếu tuyển sinh ở Vùng 1 chưa đủ chỉ tiêu thì tuyển sinh tiếp ở Vùng 2, nếu vẫn chưa đủ chỉ tiêu thì tuyển sinh tiếp ở vùng 3.

III. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Bố trí địa điểm thi

1.1. Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Trường THPT Chuyên Hạ Long hoặc đồng thời đăng ký dự tuyển vào Trường THPT Chuyên Hạ Long và trường THPT khác: Dự thi các bài thi môn chung và môn chuyên tại Trường THPT Chuyên Hạ Long.

1.2. Thí sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào trường THPT công lập không chuyên:

a) Dự thi tại trường THPT không chuyên biệt nơi thí sinh đăng kí dự tuyển. Nếu trường THPT sử dụng địa điểm khác để tổ chức thi (do không đáp ứng được điều kiện cần thiết của Kỳ thi) thì trường phải thông báo địa điểm thi mới tới thí sinh trước ngày thi tối thiểu 05 ngày.

b) Nếu thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào trường PTDTNT nhưng trường THPT công lập không chuyên biệt nơi thí sinh đăng ký dự tuyển không tổ chức thi thì trường THPT này có trách nhiệm:

- Liên hệ với một trường THPT khác có tổ chức thi tuyển sinh ở gần nhất (trừ Trường THPT Chuyên Hạ Long) để bố trí thí sinh dự thi tại đó; trước ngày 15/5/2022 báo cáo Sở GDĐT bằng văn bản và gửi qua email phongtccbqlcl.soquangninh@moet.edu.vn.

- Sau khi Sở GDĐT duyệt phương án bố trí địa điểm thi, trong ngày 15/5/2022 nhà trường lập danh sách những thí sinh này (có thông tin cá nhân, nguyện vọng xét tuyển vào các trường chuyên biệt) và gửi về trường THPT - nơi thí sinh được bố trí dự thi. Đồng thời, thông báo tới thí sinh lịch thi, địa điểm thi; hỗ trợ thí sinh hoàn thiện các thủ tục dự thi.

2. Lịch thi, thời gian làm bài thi và thời gian làm thủ tục dự thi

2.1. Hội đồng coi thi THPT không chuyên

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài
31/5/2022 (Thứ ba)	Chiều	Thí sinh làm thủ tục dự thi: Nhận Thẻ dự thi và đính chính các sai sót (nếu có)		
01/6/2022 (Thứ tư)	Sáng	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc)	60 phút	14 giờ 30
02/6/2022 (Thứ năm)	Sáng	Toán	120 phút	7 giờ 30

2.2. Hội đồng coi thi THPT Chuyên Hạ Long

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài
31/5/2022 (Thứ ba)	Chiều	Thí sinh làm thủ tục dự thi: Nhận Thẻ dự thi và đính chính các sai sót (nếu có)		
01/6/2022 (Thứ tư)	Sáng	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc)	60 phút	14 giờ 30
02/6/2022 (Thứ năm)	Sáng	Toán	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Môn chuyên (Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh)	150 phút	14 giờ 30
03/6/2022 (Thứ sáu)	Sáng	Môn chuyên (Toán, Tin học, Vật lí, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc)	150 phút	7 giờ 30
		Môn chuyên (Hóa học)	120 phút	7 giờ 30

3. Nghiệp vụ tổ chức thi (có hướng dẫn riêng)

IV. Tổ chức tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh

1.1. Mỗi trường THPT (trung tâm GDTX) thành lập 01 Hội đồng tuyển sinh; Giám đốc Sở GDĐT ủy quyền cho Hiệu trưởng trường THPT ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh tại đơn vị mình.

1.2. Thành phần

a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng trường THPT (Giám đốc trung tâm) hoặc Phó Hiệu trưởng trường THPT (Phó Giám đốc trung tâm).

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là các Phó Hiệu trưởng (các Phó Giám đốc trung tâm).

c) Thư ký và một số uỷ viên (số lượng căn cứ vào thực tế và quy mô tuyển sinh).

1.3. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, phê duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, nhập dữ liệu thí sinh tự do vào phần mềm tuyển sinh, xây dựng cơ sở dữ liệu tuyển sinh. Tổ chức xét tuyển và thực hiện các nhiệm vụ khác về tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

b) Căn cứ danh sách trúng tuyển do Sở GDĐT công bố, tổ chức kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thí sinh trúng tuyển đối với tuyển sinh vào trường THPT công lập.

c) Báo cáo định kỳ bằng văn bản về Sở GDĐT về kết quả tuyển sinh, những kiến nghị, đề xuất.

d) Kết thúc tuyển sinh, lập danh sách thí sinh nhập học, duyệt kết quả với Sở GDĐT.

e) Hội đồng tuyển sinh được sử dụng con dấu của nhà trường vào các văn bản của hội đồng.

f) Hội đồng tuyển sinh tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tổ chức xét tuyển (có hướng dẫn riêng)

3. Nhập học

3.1. Thời gian nhập học, thủ tục nhận hồ sơ được công bố công khai tại từng trường THPT.

3.2. Học sinh có tên trong danh sách trúng tuyển phải nộp đầy đủ hồ sơ tại trường theo đúng thời gian quy định. Hết thời gian theo quy định, học sinh không đến trường làm thủ tục nhập học sẽ bị rút tên khỏi danh sách trúng tuyển của trường.

3.3. Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu học sinh không đủ các điều kiện theo quy định sẽ bị rút tên khỏi danh sách trúng tuyển của trường.

3.4. Học sinh đã nộp hồ sơ tuyển sinh vào trường THPT (công lập hoặc tư thục), khi có nhu cầu được rút hồ sơ; nhà trường tạo điều kiện để học sinh rút hồ sơ.

V. Xét tuyển thẳng

1. Đăng ký xét tuyển thẳng cùng thời gian và cùng hình thức với đăng

ký dự tuyển.

2. Học sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng chỉ được nộp hồ sơ tuyển thẳng vào 01 trường THPT không chuyên biệt trong vùng tuyển sinh hoặc trường PTDTNT theo nguyện vọng.

3. Trường THCS, THPT tuyệt đối không tiếp nhận, phê duyệt hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn kiểm tra, phê duyệt theo lịch tại Phụ lục 1.

4. Sở GDĐT tổng hợp, thẩm định và công bố danh sách học sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng theo thời gian quy định tại Phụ lục 1;

5. Trường THPT hướng dẫn học sinh tra cứu kết quả tuyển thẳng trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp.

Nhận được văn bản này, yêu cầu các phòng giáo dục và đào tạo, các trường có cấp trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, liên hệ với ông Trịnh Đình Hải, TP GDPT, ĐT 0913594620 để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (Vụ: GDTrH, GDTX; Cục QLCL);
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng GDĐT;
- Các trường THPT;
- Các cơ sở GDTX;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Công an tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Tuất

**Phụ lục 1. LỊCH CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2022 - 2023**

TT	CÔNG VIỆC	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Học sinh thử đăng ký dự tuyển trực tuyến vào các trường THPT công lập	Trường THCS	Trước 05/5
2.	Học sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến	Trường THCS	06-10/5
3.	Trường THCS kiểm tra, cập nhật (nếu có) hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, in hồ sơ, tổ chức cho học sinh, cha mẹ học sinh, nhà trường ký xác nhận hồ sơ đăng ký	Trường THCS	06-12/5
4.	Đăng ký trực tiếp: Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển (bao gồm cả đăng ký tuyển thẳng) vào các trường THPT công lập Nhập hồ sơ của thí sinh tự do	Trường THPT công lập	Chậm nhất 16g00, ngày 12/5
5.	Trường THPT kiểm tra, sửa chữa sai sót (nếu có), phê duyệt hồ sơ đăng ký	Trường THPT công lập	13-16/5
6.	Trường THPT tư thực đề xuất phương án tuyển sinh; Trường THPT công lập (có hồ sơ đăng ký dự tuyển ít hoặc gặp khó khăn trong tổ chức thi) đề xuất phương thức xét tuyển	Trường THPT	15/5
7.	Thông báo công khai những học sinh không đủ điều kiện dự tuyển, tuyển thẳng	Trường THPT	16/5
8.	Sở GDĐT phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển thẳng	Sở GDĐT	Trước 22/5
9.	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT	Sở GDĐT, HĐCT	01-03/6
10.	Công bố điểm bài thi tuyển sinh trên Website của Sở GDĐT, trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp	Sở GDĐT, trường THPT có tổ chức thi	Dự kiến 14/6
11.	Thu nhận đơn phúc khảo	Trường THPT có tổ chức thi	Chậm nhất 16g00, 18/6
12.	Thông báo kết quả phúc khảo	Sở GDĐT	Chậm nhất 22/6
13.	Thực hiện công tác xét tuyển sinh (Văn bản hướng dẫn cụ thể sau)	Sở GDĐT, Trường THPT	Từ nay 23/6 đến ngày 15/8

Phụ lục 2. DANH MỤC VÙNG TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG PTDTNT VÀ DANH MỤC DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI

I. Danh mục vùng đặc biệt khó khăn, vùng vừa ra khỏi diện đặc biệt khó khăn và diện khó khăn, vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc được UBND tỉnh quy định

1. Vùng 1 (vùng đặc biệt khó khăn) gồm 12 thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là QĐ 612).

2. Vùng 2² (vùng vừa ra khỏi diện đặc biệt khó khăn và diện khó khăn, đồng thời thuộc vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc) gồm các xã (thị trấn) thuộc cả hai vùng sau:

2.1. Vùng vừa ra khỏi diện đặc biệt khó khăn và diện khó khăn gồm các xã thuộc khu vực III, khu vực II theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là QĐ 582).

2.2. Vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc gồm các xã (thị trấn) thuộc khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là QĐ 861).

3. Vùng 3³ (vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc) gồm các xã (thị trấn) đã nêu tại mục 2.2.

4. Danh mục xã thuộc Vùng 1, Vùng 2

TT	Tên xã, thị trấn	Xã KV II, III theo QĐ 582	Xã KVI theo QĐ 861	Thôn ĐBKK theo QĐ 612 (Vùng 1)
I	HUYỆN HẢI HÀ			
1	Xã Quảng Phong	II	I	
2	Xã Quảng Thịnh	II	I	
3	Xã Quảng Đức	III	I	
4	Xã Quảng Sơn	III	I	Bản Mây Nháu
5	Xã Đường Hoa		I	
II	HUYỆN TIÊN YÊN			
1	Xã Đại Dực	II	I	
2	Xã Phong Dụ	II	I	
3	Xã Điền Xá	II	I	

² Trừ các thôn thuộc Vùng 1.

³ Trừ các thôn thuộc Vùng 1, các xã thuộc Vùng 2.

TT	Tên xã, thị trấn	Xã KV II, III theo QĐ 582	Xã KVI theo QĐ 861	Thôn ĐBK theo QĐ 612 (Vùng 1)
4	Xã Yên Than	II	I	
5	Xã Hải Lạng	II	I	
6	Xã Hà Lôu	III	I	
7	Xã Đông Hải		I	
8	Xã Đông Ngũ		I	
9	Xã Đồng Rui		I	
III	HUYỆN VÂN ĐỒN			
1	Xã Đài Xuyên	II	I	
2	Xã Bình Dân	II	I	
3	Xã Vạn Yên	II	I	
4	Xã Đoàn Kết		I	
IV	HUYỆN ĐÀM HÀ			
1	Xã Quảng An	II	I	
2	Xã Dục Yên	II	I	
3	Xã Quảng Tân	II	I	
4	Xã Quảng Lâm	III	I	
5	Xã Tân Bình		I	
6	Thị trấn Đầm Hà		I	
V	HUYỆN BA CHẾ			
1	Xã Lương Mông	II	I	
2	Xã Minh Cầm	III	I	
3	Xã Đạp Thanh	III	I	
4	Xã Thanh Lâm	III	I	
5	Xã Nam Sơn	III	I	
6	Xã Thanh Sơn	III	I	
7	Xã Đồn Đạc	III	I	
VI	HUYỆN BÌNH LIÊU			
1	Xã Hoàn Mô	II	I	
2	Xã Đồng Văn	III	I	
3	Xã Đồng Tâm	III	I	Phiêng Sáp, Sam Quang
4	Xã Lục Hồn	III	I	Thôn Ngàn Mèo Trên, Thôn Ngàn Mèo Dưới, Thôn Khe O, Thôn Cao Thắng
5	Xã Vô Ngại	III	I	Khởi Luông, Nà Nhái
6	Xã Húc Động	III	I	Thôn Khe Vằn
7	Thị trấn Bình Liêu		I	Khu Khe Lạc, Khu

TT	Tên xã, thị trấn	Xã KV II, III theo QĐ 582	Xã KVI theo QĐ 861	Thôn ĐBK theo QĐ 612 (Vùng 1)
				Khe Và
VII	THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU			
1	Xã Trảng Lương		I	
VIII	THÀNH PHỐ MÓNG CÁI			
1	Xã Hải Sơn	II	I	
2	Xã Bắc Sơn	II	I	
3	Xã Quảng Nghĩa	II	I	
IX	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ			
1	Xã Dương Huy		I	
2	Xã Cộng Hòa		I	
X	THÀNH PHỐ UÔNG BÍ			
1	Xã Thượng Yên Công		I	
XI	THÀNH PHỐ HẠ LONG			
1	Xã Hòa Bình	II	I	
2	Xã Tân Dân	II	I	
3	Xã Đồng Lâm	II	I	
4	Xã Đồng Sơn	II	I	
5	Xã Kỳ Thượng	III	I	
6	Xã Vũ Oai		I	
7	Xã Sơn Dương		I	
8	Xã Dân Chủ		I	
9	Xã Quảng La		I	
10	Xã Bằng Cả		I	
11	Xã Thống Nhất		I	

II. Danh mục dân tộc rất ít người

Dân tộc rất ít người theo Công văn số 1208a/UBNDT-DTTS ngày 30/10/2015 của Ủy ban Dân tộc về việc Danh mục các dân tộc rất ít người ở Việt Nam, bao gồm 16 dân tộc: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Phù Lá, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu.

Phụ lục 3. MẪU PHIẾU ĐKDT VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐKDT

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã định danh:

Ảnh 3x4
có đóng dấu
giáp lai của
trường

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ tên học sinh: _____ 2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh: / /
4. Nơi sinh: _____ 5. Dân tộc: _____ 6. Có bố hoặc mẹ là người DTTS:
7. Nơi TT: _____ 8. ĐT: _____
9. Học sinh trường THCS: _____ thuộc huyện (TX, TP): _____

10. Kết quả rèn luyện và học tập cấp THCS

Lớp	6	7	8	9	Đ.TBCNM Toán lớp 9	Đ.TBCNM Văn lớp 9
Hạnh kiểm						
Học lực					Năm TN THCS	Xếp loại TN THCS
Đ. TBCMCN						

II. ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG (vào trường THPT không chuyên biệt/PTDTNT)

Tên trường: _____ Mã đối tượng: Nhóm XT:

III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN:

Nhóm đối tượng:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Trường THPT không chuyên biệt: _____ Nhóm XT:

2. Đăng ký thi Ngoại ngữ: Tiếng Anh Tiếng Trung Quốc

3. Trường THPT Chuyên Hạ Long

3.1. Đăng ký xét tuyển lớp chuyên

Nguyện vọng 1: Lớp chuyên _____ Đ.TBCNM thi chuyên lớp 9:

Nguyện vọng 2: Lớp chuyên _____ Đ.TBCNM thi chuyên lớp 9:

3.2. Đăng ký xét tuyển lớp không chuyên nếu không trúng tuyển lớp chuyên: Có Không

Lớp không chuyên của Trường THPT Chuyên Hạ Long: _____ Nguyên vọng

Trường THPT công lập không chuyên biệt: _____ Nguyên vọng

4. Dự tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú _____ Nhóm XT:

Trường PTDTNT Tỉnh: _____ Nguyên vọng

Trường PTDTNT THCS&THPT Tiên Yên: _____ Nguyên vọng

5. Dự tuyển vào 02 loại hình trường THPT chuyên biệt

Trường THPT Chuyên Hạ Long (lớp chuyên): _____ Nguyên vọng

Trường phổ thông dân tộc nội trú: _____ Nguyên vọng

Em xin cam kết những nội dung kê khai trên là đúng và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về tuyển sinh của Sở GDĐT, của trường.

Xác nhận của trường THCS

Ngày _____ tháng _____ năm 20__

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cha (mẹ) hoặc người giám hộ của
học sinh

(Ký, ghi rõ họ tên)

Học sinh

(Ký, ghi rõ họ tên)

_____, ngày _____, tháng _____ năm 20__

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Ghi đúng Mã định danh do trường THCS cấp.
2. Họ và tên học sinh: Ghi đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu.
3. Giới tính, ngày tháng năm sinh, dân tộc: Ghi đúng như giấy khai sinh.
4. Nơi sinh: Ghi tên huyện/thị xã/thành phố (trực thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố (trực thuộc trung ương). Nếu sinh ở nước ngoài thì ghi rõ tên quốc gia (theo tiếng Việt Nam).
5. Nơi thường trú: Ghi xã /phường, huyện/thị xã/thành phố, tỉnh. Ghi thêm thôn nếu thí sinh ở thôn ĐBKK (Phụ lục 2).
6. Kết quả hạnh kiểm, học lực, điểm trung bình các môn cả năm, điểm trung bình cả năm môn học: Ghi đúng theo học bạ THCS.
7. Kết quả tốt nghiệp THCS: Ghi đúng theo giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (còn giá trị) hoặc bằng tốt nghiệp THCS.
8. Mục II: Nếu HS có nguyện vọng và đủ điều kiện đăng ký xét tuyển thẳng thì:
 - 8.1. Ghi 01 tên trường THPT mà HS có nguyện vọng tuyển thẳng;
 - 8.2. Ghi Mã đối tượng tuyển thẳng (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) quy ước như sau:
 - a) Tuyển thẳng vào trường THPT công lập không chuyên biệt các đối tượng sau:
 - **Đối tượng 1:** Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;
 - **Đối tượng 2:** Học sinh là người dân tộc rất ít người;
 - **Đối tượng 3:** Học sinh khuyết tật;
 - **Đối tượng 4:** Học sinh đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT do cơ quan có thẩm quyền cấp (gọi chung là giải quốc gia, quốc tế).
 - b) Tuyển thẳng vào trường PTDTNT
 - **Đối tượng 5:** Học sinh là người dân tộc rất ít người;
 - **Đối tượng 6:** Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh vào trường PTDTNT, đạt giải quốc gia, quốc tế;
 - **Đối tượng 7:** Học sinh có cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở đảo Trần.
 - 8.3. Ghi Nhóm xét tuyển vào trường THPT, lưu ý:
 - a) Nhóm xét tuyển vào trường PTDTNT quy ước như sau:
 - **Nhóm xét tuyển 1:** Là người dân tộc thiểu số, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 1.
 - **Nhóm xét tuyển 2:** Là người dân tộc Kinh, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 1.
 - **Nhóm xét tuyển 3:** Là người dân tộc thiểu số, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 2.
 - **Nhóm xét tuyển 4:** Là người dân tộc thiểu số, thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở Vùng 3.
 - b) Nhóm xét tuyển vào trường THPT công lập không chuyên biệt theo quy ước của

phòng GDĐT.

9. Mục III: Đối tượng ưu tiên: Ghi đối tượng cụ thể được hưởng ưu tiên, nhóm đối tượng đúng quy định. Ví dụ: *Đối tượng ưu tiên: Con thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên; Nhóm đối tượng: 1.* Học sinh thuộc đối tượng ưu tiên phải nộp đủ giấy tờ minh chứng hợp pháp trong hồ sơ đăng ký dự tuyển.
10. Mục IV.1: Ghi tên trường THPT công lập (không chuyên biệt) theo phân vùng tuyển sinh của cấp có thẩm quyền. Ghi nhóm xét tuyển vào trường THPT theo quy ước của phòng GDĐT
11. Mục IV.2: Đăng ký dự thi một Ngoại ngữ theo quy định bằng cách điền dấu “X” vào ô tương ứng với Ngoại ngữ đó.
12. Mục IV.3: HS có nguyện vọng dự tuyển vào trường chuyên phải điền thông tin vào mục này. Lưu ý: (1)- Nếu HS chỉ có nguyện vọng xét tuyển vào 01 lớp chuyên thì điền đầy đủ thông tin vào dòng “Nguyện vọng 1 ...”; dòng “Nguyện vọng 2 ...”: ghi “Không”. (2)- HS đăng ký xét tuyển lớp chuyên Tin học: nếu thi môn Tin thì viết “Lớp chuyên Tin (Tin)”, nếu thi môn Toán thì viết “Lớp chuyên Tin (Toán)”. (3)- Phần “Điểm TBCNM thi chuyên lớp 9...” ghi điểm trung bình cả năm môn thi chuyên lớp 9. (4)- HS có nguyện vọng xét tuyển vào trường chuyên bắt buộc phải điền dấu “X” vào chỉ 1 trong 2 ô “Có”, “Không” để xác nhận việc có hay không nguyện vọng xét tuyển vào lớp không chuyên của trường chuyên nếu không trúng tuyển lớp chuyên. (5)- Nếu HS có NV xét tuyển lớp không chuyên thì phải xác định thứ tự ưu tiên nguyện vọng xét tuyển vào lớp không chuyên của trường chuyên và trường THPT công lập không chuyên biệt, bằng cách điền số “1”, “2” vào phần “Nguyện vọng ...”.
13. Mục IV.4: Đăng ký dự tuyển các trường PTDTNT: (1)- Ghi nhóm xét tuyển theo hướng dẫn tại mục 8.3; (2)- Nếu HS có đủ điều kiện và có nguyện vọng dự tuyển vào 02 trường PTDTNT thì phải xác định thứ tự nguyện vọng xét tuyển (NV1, NV2) đối với từng trường, bằng cách: Điền số “1”, số “2” vào phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường đó. Khi xét tuyển, nếu HS đã trúng tuyển theo NV1 thì không xét tuyển NV2. Trường hợp HS chỉ đăng ký dự tuyển vào 01 trường PTDTNT thì điền số “1” vào phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường có NV xét tuyển, dòng tương ứng với trường PTDTNT còn lại ghi “Không”.
14. Mục IV.5: Nếu HS đăng ký dự tuyển vào cả hai loại hình trường chuyên biệt (lớp chuyên của trường chuyên và PTDTNT) thì phải xác định thứ tự NV xét tuyển (NV1, NV2) đối với từng loại hình trường, bằng cách: Điền số “1”, “2” vào phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường đó. Khi xét tuyển, nếu thí sinh đã trúng tuyển theo NV1 thì không xét tuyển NV2. Nếu học sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào 01 loại hình trường chuyên biệt thì phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường đó ghi số “1”, dòng còn lại ghi “Không”.
15. Phiếu ĐKDT không được tẩy, xóa. Những chỗ trống để điền trên Phiếu ĐKDT phải được ghi “Không” hoặc gạch chéo “/” nếu học sinh không có thông tin để điền vào nội dung này./.

Phụ lục 4. MẪU ĐƠN XIN DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

Ảnh 3×4 (có
đóng dấu giáp
lai của
trường)

Họ và tên thí sinh:
Ngày sinh: Nam, Nữ:
Dân tộc: Nơi sinh:
Hộ khẩu thường trú:
Điện thoại liên hệ:

Học sinh lớp 9 trường: Huyện (TX, TP)

Mã học sinh (trên cơ sở dữ liệu ngành):

Số báo danh (Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trong năm dự tuyển)⁴:

Kết quả hạnh kiểm, học lực, công nhận tốt nghiệp THCS:

Kết quả	Năm học				Đ.TBCNM Toán lớp 9	Đ.TBCNM Ngữ văn lớp 9
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9		
Hạnh kiểm						
Học lực					Năm TN THCS	Xếp loại TN THCS
Đ.TBCMCN						

Em có nguyện vọng xin đăng ký dự tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2022 - 2023 tại:

Em xin cam kết những nội dung kê khai trên là đúng và chấp hành nghiêm túc các quy định về tuyển sinh của Sở GDĐT, của trường.

..... ngày tháng năm 2022

**Cha (mẹ) hoặc người giám hộ
của học sinh**
(Họ tên, chữ ký)

Học sinh
(Họ tên, chữ ký)

⁴ Học sinh dự tuyển vào trường THPT tự thực bằng kết quả Kỳ thi tuyển sinh phải điền nội dung này

